

Số: **106**/KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng **5** năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là vùng khó khăn), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận GDMN có chất lượng, trên cơ sở phân đầu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; góp phần phát triển kinh tế, xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cho vùng có nhiều đồng bào DTTS sinh sống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với trẻ em

- Phân đầu đến năm 2025, có ít nhất 25% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và trên 93% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở GDMN, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 50% các huyện tập trung trẻ em người DTTS có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Đến năm 2030, có ít nhất 33% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và trên 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở GDMN, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 80% các huyện tập trung trẻ em người DTTS có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Hằng năm, 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm riêng của trẻ.

b) Đối với giáo viên

- Đến năm 2025: Bồi dưỡng 70% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; 80% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) mầm non dạy vùng DTTS được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt

động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng DTTS tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đến năm 2030: Bồi dưỡng 90% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phân đầu bảo đảm đủ định mức giáo viên/nhóm, lớp và nhân viên theo quy định. 95% trở lên CBQL, GV mầm non dạy vùng DTTS được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng DTTS tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

c) Đối với cơ sở Giáo dục mầm non

Đến năm 2030: Phân đầu xóa bỏ 100% phòng học nhờ, phòng học tạm; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non của các địa phương; bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp cho trường học mới và phòng học mới do tăng quy mô, cụ thể:

Đến năm 2025: Xây dựng 22 phòng học; trang bị 182 bộ đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu và 75 bộ đồ chơi ngoài trời.

Đến năm 2030: Xây dựng 35 phòng học; trang bị 110 bộ đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu và 37 bộ đồ chơi ngoài trời.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo phát triển GDMN vùng khó khăn

a) Tiếp tục triển khai, quán triệt đầy đủ văn bản chỉ đạo của các cấp về Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023 - 2030”. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình. Phát huy kinh nghiệm, hiệu quả và tính chủ động trong triển khai thực hiện Chương trình, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho trẻ em vùng khó khăn và kết quả tăng cường tiếng Việt vùng DTTS. Cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện hiệu quả Chương trình.

b) Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em độ tuổi nhà trẻ (*trẻ em dưới 3 tuổi*) vùng khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Nghiên cứu ban hành Quy định khuyến khích giáo viên công tác tại các huyện miền núi và quy định về việc chuyển giáo viên từ miền núi về đồng bằng, đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn, khắc phục sự tùy tiện trong công tác chuyển giáo viên, tình trạng thiếu giáo viên ở miền núi.

d) Thực hiện bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định đối với vùng khó khăn, ưu tiên đối với giáo viên dạy nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào DTTS; thực hiện hợp đồng lao động đối với nhân viên nấu ăn, bảo đảm số

lượng theo quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

đ) Tiếp tục thực hiện đúng, đủ chính sách đối với đội ngũ giáo viên vùng khó khăn, nhất là đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người DTTS theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn; ưu tiên sử dụng đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người DTTS vùng khó khăn.

2. Tăng cường nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ

a) Tập trung tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV dạy trẻ em vùng khó khăn về: Công tác quản lý, triển khai Chương trình GDMN, phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn, nghiệp vụ, kỹ năng dạy học lớp ghép tại điểm trường lẻ; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình điểm.

b) Tiếp tục triển khai, thực hiện công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người DTTS. Chỉ đạo, hướng dẫn CBQL, GV mầm non tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, tham gia các lớp học tiếng dân tộc, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng hiệu quả. Đưa nội dung tăng cường tiếng Việt vào kế hoạch giáo dục hằng năm.

c) Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

a) Bổ sung phòng học còn thiếu đảm bảo đúng quy định cho GDMN; hằng năm, có kế hoạch, lộ trình, giải pháp xây dựng phòng học; xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; mua sắm bổ sung bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp, đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em; tiếp tục bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

b) Tiếp tục rà soát, bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học, xây dựng mô hình môi trường giáo dục đậm đà văn hóa, bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế ở mỗi địa phương để xây dựng môi trường, cảnh quan phù hợp với trẻ và văn hóa riêng của mỗi cơ sở GDMN vùng khó khăn.

4. Triển khai Chương trình GDMN phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

a) Tiếp tục triển khai, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN phù hợp với văn hóa và điều kiện bối cảnh địa phương, đặc điểm của trẻ em người DTTS. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động GDMN phù hợp với vùng khó khăn.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các cơ sở GDMN vùng khó khăn; tăng cường tập huấn, bồi

duỡng việc thực hiện Chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người DTTS.

c) Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trong các cơ sở GDMN có trẻ em người DTTS; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

5. Huy động các nguồn lực phát triển GDMN vùng khó khăn

a) Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển GDMN vùng khó khăn.

- Động viên, khuyến khích cán bộ hưu trí, già làng, trưởng bản, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và các hoạt động thiết thực khác cho trẻ em người DTTS.

b) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp, huy động sức mạnh, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; các ban, ngành có liên quan, đặc biệt là Ban dân tộc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng.

- Lồng ghép triển khai các nhiệm vụ giải pháp của Chương trình này với Đề án Vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến sâu rộng mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết về các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng cơ sở, chính quyền địa phương, đội ngũ nhà giáo, các bậc cha mẹ và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn. Tiếp tục tuyên truyền nhiệm vụ tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

b) Lựa chọn tài liệu, bồi dưỡng tiếng Việt cho các bậc cha, mẹ là người DTTS, cộng đồng vùng đồng bào DTTS để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

c) Phát huy vai trò của các trưởng thôn/bản, người có uy tín trong cộng đồng/địa phương để vận động các gia đình người DTTS tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non và học 2 buổi/ngày. Đặc biệt, quan tâm trẻ em mẫu giáo 5 tuổi người DTTS chuẩn bị vào lớp 1 phổ thông.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

2. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh xem xét, trình cấp thẩm quyền quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em độ tuổi nhà trẻ (trẻ em dưới 3 tuổi) vùng khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ hằng năm trước ngày 30/11 hoặc đột xuất (theo yêu cầu), tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ GDĐT theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn sử dụng, ưu tiên nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện Chương trình.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS về công tác quản lý, phát triển chương trình giáo dục nhà trường; đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện Chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người DTTS.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS.

- Hỗ trợ xây dựng và tiếp tục triển khai, chỉ đạo thực hiện mô hình điểm về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người DTTS.

2. Ban Dân tộc tỉnh

- Phối hợp với Sở GDĐT, các sở, ngành liên quan, các địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển GDMN, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ mầm non dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển GDMN đối với trẻ em người dân tộc thiểu số để bảo đảm các mục tiêu của Chương

trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi.

- Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

- Phối hợp với Sở GDĐT, các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để thực hiện Chương trình; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh trình cấp thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao; đồng thời, tổng hợp, rà soát trình cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 phù hợp với khả năng cân đối vốn của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

6. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

7. Sở Nội vụ

- Tham mưu UBND tỉnh giao số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng, hợp đồng, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng đội ngũ CBQL, GV.

- Nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền quy định về việc chuyển giáo viên từ miền núi về đồng bằng, đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn, khắc phục sự tùy tiện trong công tác chuyển chuyển

giáo viên, tình trạng thiếu giáo viên ở miền núi. Đề xuất cơ chế tháo gỡ khó khăn trong việc bố trí đủ GV mầm non theo quy định hiện hành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh.

9. UBND các huyện: Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Tư Nghĩa

Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện Chương trình trên địa bàn theo phân cấp quản lý, cụ thể:

a) Xây dựng Chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để triển khai thực hiện tại địa phương, báo cáo về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo Bộ GDĐT theo yêu cầu.

b) Tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới, xây dựng các cơ sở GDMN; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối đảm bảo thuận lợi huy động trẻ mầm non đến trường, lớp cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai Chương trình GDMN; có chính sách ưu đãi nhằm phát triển GDMN trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho GDMN theo đúng quy định; hằng năm rà soát, cân đối nguồn kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, kế hoạch xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhò, phòng học tạm, bổ sung số phòng học còn thiếu, phòng học mới cho vùng khó khăn theo quy định. Quan tâm, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn.

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN; rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với CBQL, GV, NV và trẻ ở các cơ sở GDMN. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh về bố trí đủ định mức giáo viên mầm non trong các cơ sở GDMN công lập theo quy định, đặc biệt bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, GV và NV cho các cơ sở GDMN vùng khó khăn ở địa phương bảo đảm thực hiện mục tiêu Chương trình. Xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS. Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ em người DTTS học tiếng dân tộc tại địa phương nơi giáo viên công tác.

đ) Chỉ đạo các cơ sở GDMN công lập xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Thực thi đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa GDMN; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng

đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

g) Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, giai đoạn, tổ chức sơ kết, tổng kết; định kỳ, hằng năm trước ngày 15/11 tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

10. Đề nghị các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, tham gia tổ chức triển khai Chương trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức đầu tư, chăm lo, hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, và Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch; trường hợp, phát sinh khó khăn, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, tiếp tục chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Tư Nghĩa;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.n287



Trần Hoàng Tuấn